

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02 /2025/HNGĐ -
ST

Ngày: 13 - 01 - 2025

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Sơn

2. Ông Păng Ting Nôck

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 680/2024/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2024/QĐXX - ST ngày 24 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Đình Tuyết S, sinh năm 1995; Địa chỉ: số I Đ, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tạm trú: số A đường L, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; Địa chỉ: số I Đ, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đinh Đình Tuyết S thì:

Về quan hệ hôn nhân chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2020 đến năm 2022 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đ. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung

sống tại số I Đ, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến khoảng năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T mê chơi bài bạc, không cố gắng làm ăn lo cho gia đình, con cái nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, chung sống không hạnh phúc nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân mạnh ai nấy sống không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với bà anh T.

Về con chung: có 01 con chung Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh ngày 16/7/2022. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Theo lời khai trình bày của bị đơn anh Nguyễn Văn T thì:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị S trình bày là đúng. Quá trình chung sống anh thừa nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do anh mê chơi cờ bạc trên mạng nên vợ chồng xảy ra cãi vã, xích mích. Tuy nhiên, anh vẫn còn thương vợ, thương con, anh mong muốn được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: có 01 con chung Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh ngày 16/7/2022. Nếu ly hôn anh đồng ý giao con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, nợ chung: Hai bên xác định không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đinh Đình Tuyết S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Đình Tuyết S, cho chị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: giao con chung Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh ngày 16/7/2022 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con: anh T có trách nhiệm nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đinh Đình Tuyết S và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau năm 2022, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị S khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn anh T hiện đang cư trú tại số I Đ, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán nên hôn nhân giữa chị S và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống chị S và anh T đều thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị S trình bày do anh T mê chơi bài bạc, không cố gắng làm ăn lo cho gia đình, con cái nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, chung sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên chị S quay về đoàn tụ gia đình nhưng chị S kiên quyết xin được ly hôn với anh T. Anh T xin vắng mặt nhưng xác định anh vẫn còn thương yêu vợ con nên anh mong muốn được đoàn tụ gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị S và anh T thực tế đã xảy ra và ngày càng trầm trọng hơn, anh T mong muốn được đoàn tụ gia đình nhưng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Như vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T đã ở mức mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị S được ly hôn với anh T.

[3.2] Về con chung: Dựa trên lời khai của các đương sự và giấy khai sinh của con đã đủ cơ sở khẳng định giữa chị S và anh T có 01 con chung Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh ngày 16/7/2022, hiện cháu N còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ và anh T cũng đồng ý giao cháu N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để tránh xáo trộn sinh hoạt của con, đảm bảo cho con về mọi mặt cần giao con chung Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh ngày 16/7/2022 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Trong quá trình Tòa án hoà giải anh T đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh T.

[3.3] Về tài sản chung: Các bên xác định không có nên không đề cập.

[3.4] Về nợ chung: Các bên xác định không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh T phải chịu án phí dân sự đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Đình Tuyết S về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: giải quyết cho chị Đinh Đình Tuyết S được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh ngày 16/7/2022 cho chị Đinh Đình Tuyết S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2025 cho đến ngày con chung thành niên.

2.2. Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Đinh Đình Tuyết S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0001238** ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND phường 8, thành phố Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Păng Ting Nôck - Nguyễn Minh Sơn

Nguyễn Thị Loan